TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 151/2021/HS-ST
Ngày: 15-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đ Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Kim Thành.

Bà Phạm Thị Loan.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Trần Anh Đ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 132/2021/TLST-HS ngày 11-5-2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2021/QĐXXST-HS ngày 31-5-2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trần Văn Đ, sinh năm 1995 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 101 đường V, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề ngH: Tự do; trình độ văn hoá: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn T và bà Trần Thị Thu C; có vợ Vũ Diệu L (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 02 tháng 3 năm 2021, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 05 tháng 3 năm 2021 cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an thành phố N; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Ông Nguyễn Võ T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Số 29/166 đường Đ, phường C, thành phố N, tỉnh Nam Định (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh Hoàng Văn H, sinh năm 1991; nơi cư trú: Số 1271 đường T, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn Đ là bạn bè quen biết từ trước với anh Trần Đình H, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 843 đường V, xã N, thành phố N và anh Nguyễn Thành Công Đ, sinh năm 1996; nơi cư trú: Số 29/166 đường Đ, phường C, thành phố N. Khoảng 09 giờ ngày 06-12-2020, tại địa chỉ: Số 30 đường H, phường N, thành phố N, Đ chứng kiến việc anh Đ mượn chiếc xe máy Honda Airblade biển kiểm soát B2-29392 của anh H để đi. Anh H đồng ý và giao xe cùng với đăng ký xe, bảo hiểm trách nhiệm dân sự cho anh Đ. Do thiếu tiền tiêu xài nên Đ nảy sinh ý định sẽ chiếm đoạt chiếc xe trên của anh H để bán lấy tiền. Sau khi mượn xe, anh Đ có giao xe cùng giấy tờ xe cho bố đẻ là ông Nguyễn Võ T để sử dụng và quản lý. Để thực hiện ý định, chiều ngày 06-12-2020, Đ gọi điện cho Đ nói dối "Mày đã về chưa, để tao đến lấy xe máy cho H", anh Đ nói đến tối mới về. Khoảng 21 giờ cùng ngày, Đ đến nhà anh Đ thì gặp ông Nguyễn Võ T. Đ nói dối ông T mình tên là H và muốn lấy lại chiếc xe, ông T tin tưởng nên đã giao chiếc xe trên cùng giấy tờ cho Đ. Sau khi nhận được xe, Đ mang đi tìm nơi cầm cố nhưng không được. Đến sáng ngày 07-12-2020, Đ gọi điện cho Trần Đình M, sinh năm 1993; nơi cư trú: Số 892 đường Đ, phường L, thành phố N để đặt vấn đề cầm cố chiếc xe máy trên. Sau khi gặp nhau, Đ nói dối chiếc xe máy Honda Airblade biển kiểm soát B2-29392 Đ mua lại của người em tên là H. Đ thỏa thuận với M cầm cố xe với giá 30.000.000 đồng, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Sau đó, Đ bỏ đi khỏi địa phương và tiêu xài hết số tiền trên. Do không có tiền trả cho M nên Đ thỏa thuận với anh M sẽ bán chiếc xe trên lấy tiền trả. Ngày 25-01-2021, Đ cùng M mang xe và giấy tờ xe đến cửa hàng mua bán xe máy "Hoàng H" tại địa chỉ: Số 1271 đường T, phường M, thành phố N gặp chủ cửa hàng là anh Hoàng Văn H đặt vấn đề bán xe. Đ nói dối là đã mua chiếc xe trên của anh H. Sau khi xem xe và thống nhất với giá 32.000.000 đồng, Đ yêu cầu anh H chuyển khoản toàn bộ số tiền trên luôn cho Trần Đình M (để trả tiền Đ đã cầm cố xe và tiền lãi). Đ viết 01 giấy bán chiếc xe và giao đăng ký xe biển kiểm soát B2-29392 cho anh H. Sau khi chiếm đoạt chiếc xe, Đ nhắn tin cho anh H với nội dung "cho anh mượn xe mấy hôm để anh trả tiền hàng", anh H không đồng ý nên cùng Đ gọi điện và đi tìm Đ đòi xe nhưng không liên lạc được. Sau đó, khi được thông báo Đ đã bán chiếc xe trên ông Nguyễn Võ T đã lên Công an phường C, thành phố N trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, anh Hoàng Văn H đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy biển kiểm soát B2-29392 cùng giấy tờ xe cho Cơ quan điều tra. Đồng thời, anh H yêu cầu Trần Văn Đ hoàn trả số tiền anh H đã mua chiếc xe máy biển kiểm soát

B2-29392 theo đúng giá trị hội đồng định giá xác định là 31.000.000 đồng, hiện Đ chưa hoàn trả tiền cho anh H.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập đối với Trần Văn Đ. Tại Cơ quan điều tra, Trần Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như trên.

Sau khi làm việc, Cơ quan điều tra tạm cho Trần Văn Đ về để củng cố tài liệu. Ngày 25-02-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và ra lệnh bắt bị can để tạm giam đối với Đ, tuy nhiên Đ đã bỏ trốn khỏi địa phương. Ngày 26-02-2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã ra Quyết định truy nã số 04 đối với Trần Văn Đ. Ngày 02-03-2021, Trần Văn Đ đã đến Công an thành phố N đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi đã nêu ở trên.

Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố N xác định chiếc xe máy biển kiểm soát B2-29392 có trị giá 31.000.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã trả lại chiếc xe trên cùng giấy tờ xe cho anh Trần Đình H. Ông Nguyễn Võ T và anh Trần Đình H không có đề nghị gì khác.

Bản cáo trạng số 135/CT-VKS ngày 10-5-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Trần Văn Đ về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Trần Văn Đ xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do ham chơi, lười lao động nên đã thực hiện hành vi lừa đảo với mục đích lấy tiền tiêu xài cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn, hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, vì vậy đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Trần Văn Đ theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 18 tháng đến 21 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo Trần Văn Đ bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 31.000.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc kH nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Trần Văn Đ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như đơn trình báo của bị hại; biên bản nhận dạng; lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 06-12-2020, Trần Văn Đ đã có hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe máy Honda AirBlade biển kiểm soát B2-29392 của ông Nguyễn Võ T tại khu vực phường C, thành phố N. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện, tài sản bị cáo chiếm đoạt có trị giá 31.000.000 đồng. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã đến Cơ quan điều tra đầu thú; tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét thấy bị cáo Trần Văn Đ được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử chỉ xử phạt bị cáo trong mức đề xuất của Viện Kiểm sát cũng đủ giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Trần Văn Đ không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Trần Văn Đ chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Bị hại ông Nguyễn Võ T đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Hoàng Văn H yêu cầu bị cáo Trần Văn Đ hoàn trả số tiền anh H đã mua chiếc xe máy biển kiểm soát B2-29392 theo đúng giá trị hội đồng định giá xác định là 31.000.000 đồng. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự và Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử buộc bị cáo Trần Văn Đ phải có trách nhiệm bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 31.000.000 đồng.

[7] Đối với anh Trần Đình M và anh Hoàng Văn H không biết chiếc xe máy biển kiểm soát B2-29392 do Trần Văn Đ phạm tội mà có nên không xem xét trách nhiệm pháp lý là đúng quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Trần Văn Đ bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể như sau:

- Án phí hình sự sơ thẩm: 200.000 đồng.

- Án phí đối với phần yêu cầu bồi thường dân sự của anh Hoàng Văn H: 31.000.000 đồng x 5% = 1.550.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn Đ phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ 21 (hai mốt) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 02 tháng 3 năm 2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Trần Văn Đ phải bồi thường cho anh Hoàng Văn H số tiền 31.000.000 đồng (ba mươi mốt triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và anh Hoàng Văn H có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bị cáo Trần Văn Đ còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.550.000 đồng (một triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Trần Văn Đ được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại ông Nguyễn Võ T; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn H (vắng mặt) được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống Đ hợp lệ Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND.Tỉnh Nam Định;
- VKSNDTP.N (02 bản);
- Công an TP.N;
- Chi cục THADSTP.N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đ Nguyên